

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC  
**HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

NGÀY THI: 12/8/2023

| TT | SBD      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|----|----------|----------------------|------------|------------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|    |          |                      |            |            |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 1  | CNTT1693 | Nguyễn Thị Ngọc Bích | 06/11/1995 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,0         | 8,5       | Đạt     |         |
| 2  | CNTT1694 | Hoàng Thị Chanh      | 20/03/1990 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,2         | 8,5       | Đạt     |         |
| 3  | CNTT1695 | Nguyễn Văn Đỗ        | 19/04/1991 | Bắc Giang  | Nam       | 8,0         | 8,0       | Đạt     |         |
| 4  | CNTT1696 | Phạm Thị Giang       | 27/06/1991 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |         |
| 5  | CNTT1697 | Lê Thị Hà            | 15/05/1981 | Quảng Bình | Nữ        | 7,7         | 7,0       | Đạt     |         |
| 6  | CNTT1698 | Ngô Thu Hà           | 02/05/2001 | Bắc Giang  | Nữ        | 7,5         | 8,0       | Đạt     |         |
| 7  | CNTT1699 | Nguyễn Thị Thu Hằng  | 08/02/1994 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |         |
| 8  | CNTT1700 | Trần Thị Hằng        | 13/05/1991 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,2         | 8,0       | Đạt     |         |
| 9  | CNTT1701 | Thân Thị Hoa         | 07/01/1998 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |         |
| 10 | CNTT1702 | Thân Thị Hòa         | 08/08/1991 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,2         | 8,5       | Đạt     |         |
| 11 | CNTT1703 | Hoàng Thị Hoan       | 01/12/1993 | Bắc Giang  | Nữ        | 7,7         | 8,0       | Đạt     |         |
| 12 | CNTT1704 | Hà Thu Huệ           | 25/02/1996 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,0         | 8,5       | Đạt     |         |
| 13 | CNTT1705 | Nguyễn Thị Hương     | 27/03/1992 | Vĩnh Phúc  | Nữ        | 7,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 14 | CNTT1706 | Bàn Thị Khánh        | 20/08/1990 | Yên Bái    | Nữ        | 8,0         | 8,0       | Đạt     |         |
| 15 | CNTT1707 | Lộc Thị Lành         | 20/10/1995 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,2         | 9,0       | Đạt     |         |
| 16 | CNTT1708 | Vũ Ngọc Linh         | 28/05/2000 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |         |
| 17 | CNTT1709 | Lê Thị Loan          | 20/12/1992 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,2         | 8,0       | Đạt     |         |
| 18 | CNTT1710 | Trương Thị Lý        | 14/06/1990 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,2         | 8,5       | Đạt     |         |
| 19 | CNTT1711 | Tô Thị My            | 08/10/1995 | Bắc Giang  | Nữ        | 8,0         | 8,5       | Đạt     |         |

| TT | SBD      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|----|----------|-----------------------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|    |          |                       |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 20 | CNTT1712 | Nguyễn Thị Nga        | 29/09/1990 | Bắc Giang | Nữ        | 7,5         | 8,0       | Đạt     |         |
| 21 | CNTT1713 | Nguyễn Thị Kiều Oanh  | 26/06/1995 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 9,0       | Đạt     |         |
| 22 | CNTT1714 | Nguyễn Thị Phước      | 12/03/1984 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 8,5       | Đạt     |         |
| 23 | CNTT1715 | Dương Diễm Quỳnh      | 20/07/2002 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 8,5       | Đạt     |         |
| 24 | CNTT1716 | Hồ Thị Phương Thảo    | 27/04/1997 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 8,0       | Đạt     |         |
| 25 | CNTT1717 | Nguyễn Mạnh Thắng     | 09/09/2000 | Bắc Giang | Nam       | 7,5         | 8,5       | Đạt     |         |
| 26 | CNTT1718 | Trần Thị Thúy         | 28/02/1985 | Bắc Giang | Nữ        | 8,2         | 7,5       | Đạt     |         |
| 27 | CNTT1719 | Nguyễn Thị Thanh Thùy | 08/02/1994 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 9,0       | Đạt     |         |
| 28 | CNTT1720 | Trịnh Thị Huyền Trang | 23/08/2000 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 8,0       | Đạt     |         |
| 29 | CNTT1721 | Nguyễn Hữu Tuấn       | 27/10/1987 | Bắc Giang | Nam       | 7,7         | 8,5       | Đạt     |         |
| 30 | CNTT1722 | Triệu Thu Uyên        | 18/02/2001 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 8,0       | Đạt     |         |

Số thí sinh theo danh sách: **30**

Số thí sinh vắng thi: **0**

Số thí sinh dự thi: **30**

Số thí sinh đạt yêu cầu: **30**

Số thí sinh không đạt yêu cầu: **0**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**Đỗ Thị Huyền**

*Bắc Giang ngày 16 tháng 8 năm 2023*

**TRƯỞNG BAN THƯ KÝ**

**Nguyễn Công Thành**